

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý
công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng
11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi
phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính
phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của
Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 29/TTr-STP ngày
29 tháng 4 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9, như sau:

“1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đồng thời chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện quyết định kiểm tra theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12, như sau:

"Điều 12. Phối hợp tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 63 và khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mà còn có quan điểm chưa thống nhất trong việc xử phạt vi phạm hành chính, thì người đứng đầu cơ quan lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có thể quyết định việc trao đổi, lấy ý kiến của Sở Tư pháp (*đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*) hoặc Phòng Tư pháp (*đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*) và phải dành thời gian ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc để Sở Tư pháp hoặc Phòng Tư pháp nghiên cứu, cho ý kiến đối với hồ sơ vụ việc.

2. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định triệu tập họp để lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc quyết định việc lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tư pháp (*đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*) hoặc Phòng Tư pháp (*đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về tính pháp lý của hồ sơ vụ việc.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Văn phòng huyện khi nhận được hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp do các cơ quan, đơn vị chuyển đến, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ ngay trong ngày làm việc, kịp thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoặc tổ chức họp, lấy ý kiến cơ quan liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này trước khi quyết định.

5. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản về tính pháp lý đối với hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trình quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, đúng thời hạn.

Điều 2. Bỏ cụm từ

Bỏ cụm từ "*đối với các vụ việc phức tạp*" tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01 tháng 6 năm 2022**.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Người đứng đầu các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Cục KTrVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Như Điều 3 (để thi hành);
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo TQ, Đài PT&TH tỉnh;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu PL tỉnh (đăng tải);
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- TP, PTP, CV các phòng, đơn vị của VP;
- Lưu: VT, NC (P.Hà).

báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn